

Bản án số: 177/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2024

V/v tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**
2. Bà **Âu Thị Ngọc Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Công Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.*

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Xin Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Hồng L**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: **ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Hiếu T**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: **ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

(Chị **L** có mặt tại phiên tòa, anh **T** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đệ ngày 19/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Triệu Hồng L** trình bày:*

- Chị và anh **Trương Hiếu T** xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **T** không lo làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc ăn tiền gây nợ dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng vào năm 2022 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nay chị yêu cầu xin ly hôn anh **T**.

- Về con chung: Chị và anh **T** có 01 con chung tên **Trương Triệu N** sinh ngày 27/6/2013, hiện con chung do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Bị đơn anh **Trương Hiếu T** không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện:

* Tại phiên tòa, chị **L** vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như trên. Anh **T** vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **L** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung của chị và anh **T** theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại **huyện C, tỉnh Tiền Giang**, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị **L** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của chị và anh **T**, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc vắng mặt đương sự: Xét thấy anh **T** là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị **L** xin ly hôn anh đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chị **Triệu Hồng L** và anh **Trương Hiếu T** xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, **huyện C, tỉnh Tiền Giang** số 75 ngày 08/7/2013 theo bản sao trích lục kết hôn số 532/TLKH-BS ngày 26/7/2017, vợ chồng sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **T** không lo làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc ăn tiền gây nợ dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng vào năm 2022 đến nay.

- Anh **T** là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo triệu tập hợp lệ để xét xử việc chị **L** xin ly hôn anh đến lần thứ 2, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời anh cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, như vậy chứng tỏ anh cũng không quan tâm đến tình cảm vợ chồng giữa anh và chị **L** và xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **L** là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **L** và cho chị **L** được ly hôn anh **T** là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung:*

Chị **L** và anh **T** có 01 con chung tên **Trương Triệu N**, sinh ngày 27/6/2013, hiện con chung do chị **L** nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng để nay đã ổn định và theo bản tự khai đề ngày 21/6/2024 cháu **N** có nguyện vọng sống với chị **L**, nên không cần xáo trộn tình cảm con chung mà tiếp tục giao cho chị **L** nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** không yêu cầu, nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung:* Không có tài sản chung.

[2.4]. *Về nợ chung:* Không có nợ chung.

[3]. Về án phí: Chị **L** là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Triệu Hồng L**;

- Cho chị **Triệu Hồng L** được ly hôn với anh **Trương Hiếu T**.

2. *Về con chung:*

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị **Triệu Hồng L**;

Giao con chung tên **Trương Triệu N**, sinh ngày 27/6/2013 cho chị **Triệu Hồng L** tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết do chị **L** không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không có nợ chung.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị **Triệu Hồng L** chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014945 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như chị **L** đã thi hành xong tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Anh **T** được tính từ khi nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hòa Hưng, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn

